

Số: 63/TTr-HĐQT

Hà Tĩnh, ngày 30 tháng 5 năm 2025

TỜ TRÌNH

V/v đề nghị thông qua nội dung Đại hội đồng cổ đông thường niên
Tổng công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh – CTCP năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH11 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh – CTCP;

Căn cứ Văn bản số 3415/UBND-KT₃ ngày 28/5/2025 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc Đại hội đồng cổ đông thường niên Tổng công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh – CTCP năm 2025;

Hội đồng quản trị Tổng công ty kính trình Quý cổ đông xem xét, thông qua nội dung Đại hội đồng cổ đông thường niên Tổng công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh – CTCP năm 2025 các nội dung như sau:

1. Thông qua Báo cáo tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị, Báo cáo hoạt động SXKD của Ban điều hành năm 2024; Triển khai nhiệm vụ năm 2025. (Có báo cáo chi tiết kèm theo)

2. Báo cáo của Ban kiểm soát Tổng Công ty năm 2024, triển khai nhiệm vụ năm 2025. (Có báo cáo chi tiết kèm theo)

3. Kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên Tổng công ty năm 2024.

3.1. Kết quả SXKD năm 2024:

a, Công ty mẹ:

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	So sánh TH/KH (%)
1	Doanh thu	Tỷ đồng	400	419,7	104,9
2	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	5	8,7	174
3	Nộp NS các loại thuế, phí	Tỷ đồng	24	34,6	144,2
4	Thu nhập bình quân	Triệu đồng	7,5	9,0	120

b, Toàn Tổng công ty:

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	So sánh TH/KH (%)
1	Doanh thu	Tỷ đồng	1.700	1.898	111,6
2	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	15	97,1	647,3
3	Nộp NS các loại thuế, phí	Tỷ đồng	35	46,2	132
4	Thu nhập bình quân	đồng	9.000.000	9.937.000	110,4

3.2. Các chỉ tiêu và nội dung khác:

a, Tình hình thực hiện đầu tư năm 2024:

TT	Tên dự án	Kế hoạch (Tỷ đồng)	Thực hiện (Tỷ đồng)	Đạt (%)
1	Mua sắm, đầu tư, sửa chữa lớn TSCĐ phục vụ SXKD và ĐT khác	5	0	0
2	Dự án ĐTXD Trung tâm Logistics Vũng Áng GD1	20	0	0
	Tổng cộng	25	0	0

Nguyên nhân chưa thực hiện đầu tư: Do suy thoái kinh tế thế giới cũng như trong nước, hoạt động khai thác, chế biến và kinh doanh khoáng sản của Tổng công ty gặp nhiều khó khăn nên trong năm đã không tiến hành đầu tư, mua sắm mới và sửa chữa lớn tài sản cố định. Dự án ĐTXD Trung tâm Logistics Vũng Áng GD1 đang trong quá trình xin chủ trương đầu tư.

b, Tình hình thực hiện một số chỉ tiêu tín dụng, huy động vốn năm 2024 (Công ty mẹ):

+ Tín dụng: Trả nợ cho các Ngân hàng: 15,9 tỷ đồng/KH 15,86 tỷ đồng, đạt 100%. Trong đó: Nợ gốc: 14,28 tỷ đồng; Nợ lãi: 1,62 tỷ đồng.

+ Huy động vốn: Vốn vay trung, dài hạn và vốn huy động khác: 0 tỷ đồng/KH 0 tỷ đồng; Vốn vay ngắn hạn: 0 tỷ đồng/KH 20 tỷ đồng.

3.3. Đánh giá chung: Năm 2024, Tổng công ty đã cố gắng, nỗ lực trong công tác chỉ đạo điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, đặc biệt dự báo khá chính xác sự biến động giá cả của ngành chăn nuôi lợn để thực hiện điều chỉnh linh hoạt các hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp nhằm mang lại hiệu quả tối đa. Tăng cường công tác tìm kiếm, mở rộng khách hàng tại Công ty CP Cảng Quốc tế Lào - Việt.

Chỉ đạo sát sao công tác tìm kiếm và vận động giải phóng mặt bằng mỏ titan tại Kỳ Anh đã mang lại rất nhiều hiệu quả, qua đó kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ và toàn Tổng công ty đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu, kế hoạch đề ra, bảo toàn và phát huy tốt nguồn vốn nhà nước.

4. Kế hoạch SXKD và đầu tư năm 2025

4.1. Kế hoạch SXKD:

- Công ty mẹ:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2025	Ghi chú
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	400	
2	LN sau thuế	Tỷ đồng	7	
3	Nộp NS	Tỷ đồng	25	
4	Thu nhập BQ	đ/ng/tháng	9.000.000	

- Toàn Tổng công ty:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2025	Ghi chú
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.800	
2	LN sau thuế	Tỷ đồng	50	
3	Nộp NS	Tỷ đồng	35	
4	Thu nhập BQ	đ/ng/tháng	10.000.000	

4.2. Kế hoạch đầu tư:

Tổng giá trị đầu tư năm 2025 dự kiến là: 70 tỷ đồng, chi tiết:

Stt	Tên dự án	Số tiền đầu tư (tỷ đồng)	Ghi chú
1	Mua sắm, đầu tư, SCL TSCĐ PVSX kinh doanh và đầu tư khác	5	
2	Sửa chữa Dự án khu nhà ở thí điểm cho CN và NLD thuê tại KKT Vũng Áng	15	
3	Dự án ĐTXD trung tâm Logistics Vũng Áng GĐ1	50	
	Tổng cộng	70	

5. Kế hoạch Tài chính, Tín dụng, Huy động vốn năm 2025

5.1. Tổng công ty:

Kế hoạch Tài chính

- Doanh thu: 1.800 tỷ đồng
- Chi phí: 1.750 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 50 tỷ đồng

5.2. Công ty mẹ:

** Kế hoạch Tài chính*

- Doanh thu: 400 tỷ đồng
- Chi phí: 393 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 7 tỷ đồng

** Kế hoạch tín dụng:*

- Trả nợ cho các Ngân hàng: 10,3 tỷ đồng

Trong đó: + Nợ gốc: 9,1 tỷ đồng

+ Nợ lãi: 1,2 tỷ đồng

- Huy động vốn vay dài hạn: 0 tỷ đồng

- Huy động vốn vay ngắn hạn: 20 tỷ đồng

6. Báo cáo Tài chính năm 2024 đã được kiểm toán

Báo cáo tài chính năm 2024 Tổng công ty đã lập và được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY với các chỉ tiêu chính:

6.1. Bảng cân đối kế toán:

T T	Chỉ tiêu	Công ty mẹ		HN Tổng công ty	
		Giá trị	tỷ lệ(%)	Giá trị	tỷ lệ(%)
1	Tổng tài sản	1.353.557.786.089	100	2.106.815.721.673	100
-	Tài sản ngắn hạn	242.717.961.701	18%	712.539.737.469	34%
-	Tài sản dài hạn	1.110.839.824.388	82%	1.394.275.984.204	66%
2	Tổng nguồn vốn	1.353.557.786.089	100	2.106.815.721.673	100
-	Nợ phải trả	213.786.545.764	16%	866.368.092.921	41%
-	Vốn chủ sở hữu	1.139.771.240.325	84%	1.240.447.628.752	59%
	Trong đó: Vốn góp của chủ sở hữu	1.101.135.914.618		1.227.080.848.548	

6.2. Bảng kết quả hoạt động kinh doanh:

TT	Chỉ tiêu	Công ty mẹ	HN Tổng công ty
1	Doanh thu thuần	371.790.283.218	1.460.554.031.146
2	Lợi nhuận gộp	(3.991.600.216)	209.292.883.238
3	Tỷ lệ lãi gộp/doanh thu thuần		
4	Thu nhập tài chính	46.417.977.265	26.806.071.938
5	Chi phí tài chính	(6.932.522.796)	16.629.467.050
-	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	3.219.042.379	13.726.347.259
6	Chi phí bán hàng	822.208.646	37.112.840.804
7	Chi phí quản lý	40.305.372.929	91.600.617.185
8	Lợi nhuận kinh doanh	8.231.318.270	92.237.971.384
9	Lợi nhuận khác	485.404.233	5.778.152.431
10	Tổng lợi nhuận trước thuế	8.716.722.503	98.016.123.815
11	Thuế TNDN		9.273.584.119
12	Chi phí thuế TN hoãn lại		197.701.890
13	Lợi nhuận sau thuế	8.716.722.503	88.544.837.806

TT	Chỉ tiêu	Công ty mẹ	HN Tổng công ty
14	Lợi nhuận của cổ đông thiểu số		40.658.793.735
15	Lợi nhuận của Công ty mẹ		47.886.044.071

7. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Số tiền
1	Tổng lợi nhuận được phân phối	Đồng	8.716.722.503
-	Lợi nhuận chưa phân phối năm trước chuyển sang	"	0
-	Lợi nhuận sau thuế TNDN năm nay (2024)	"	8.716.722.503
2	Trích lập các quỹ:	"	
-	Quỹ khen thưởng phúc lợi (tối đa 3 tháng lương)	"	4.000.000.000
-	Quỹ thưởng ban điều hành (tối đa 1,5 tháng lương BDH)	"	300.000.000
-	Quỹ Đầu tư Phát triển	"	2.500.000.000
3	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối = (1)-(2)	"	1.916.722.503
4	Phân phối cổ tức cho cổ đông		0
5	Lợi nhuận còn lại chuyển năm sau = (3)-(4)		1.916.722.503

Lợi nhuận còn lại so với vốn điều lệ tương đương 0,17% nên Tổng công ty đề xuất giữ lại chưa phân phối cổ tức cho các cổ đông năm nay.

8. Quyết toán chi trả lương, thù lao HĐQT, BKS năm 2024; Kế hoạch chi trả lương, thù lao cho HĐQT, BKS Tổng công ty năm 2025

8.1. Quyết toán chi trả lương, phụ cấp và thù lao HĐQT, BKS năm 2024:

Năm 2024, Vượt qua khó khăn, thách thức, HĐQT, Ban điều hành đã không ngừng nỗ lực, lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai đồng bộ các giải pháp phù hợp với tình hình thực tiễn từng giai đoạn, các phong trào thi đua yêu nước tiếp tục được phát động, thực hiện có hiệu quả, kết quả SXKD Tổng công ty đạt và vượt các chỉ tiêu, kế hoạch đề ra. Trên cơ sở đó, Tổng công ty đề xuất thống nhất quyết toán tiền lương, thù lao của HĐQT và Ban Kiểm soát như sau:

ĐVT: Triệu đồng

TT	Chức danh	Số người	Kế hoạch	Thực hiện	Chênh lệch	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)
I	Quỹ lương	3	876	876	0	
-	Chủ tịch HĐQT	1	456	456	0	
-	Trưởng ban kiểm soát	1	264	264	0	
-	Thành viên BKS	1	156	156	0	
II	Quỹ thù lao	6	288	274	-14	

TT	Chức danh	Số người	Kế hoạch	Thực hiện	Chênh lệch	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)
-	Thành viên HĐQT không chuyên trách	3	216	216	0	
-	Thành viên BKS không chuyên trách	1	24	10	-14	Được bầu 30/7/2024
-	Thư ký HĐQT	2	48	48	0	
	Cộng	9	1.164	1.150	-14	

- Thanh toán chi trả lương, thù lao HĐQT, BKS Tổng công ty: Giao Tổng giám đốc Tổng công ty thanh toán chi trả.

8.2. Kế hoạch chi trả lương, thù lao cho HĐQT, BKS năm 2025:

DVT: triệu đồng

TT	Chức danh	Số người	Mức quỹ lương, thù lao/tháng	Thành tiền (năm)
1	Quỹ lương			996
-	Chủ tịch HĐQT	1	42	504
-	Trưởng Ban kiểm soát	1	25	300
-	Thành viên BKS chuyên trách	1	16	192
2	Quỹ thù lao			396
-	Thành viên HĐQT không chuyên trách	3	8	288
-	Thành viên BKS không chuyên trách	1	3	36
-	Thư ký HĐQT	2	3	72
	Cộng	9		1.392

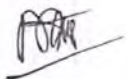
Lương của Chủ tịch hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và thù lao của thành viên Hội đồng quản trị căn cứ vào tình hình thực tế và được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Trên đây là các nội dung Đại hội đồng cổ đông thường niên Tổng công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh – CTCP năm 2025; Hội đồng quản trị Tổng công ty kính Quý cổ đông xem xét, thông qua các nội dung Đại hội.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Ban kiểm soát;
- HĐQT, Ban TGD;
- Website: www.mitraco.com.vn;
- Lưu VT. Thư ký TCT.



TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Đình Toàn